| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **327**/2026/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 273/2026/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Bà **Huỳnh Thị Kim T**, sinh năm: 2002;

Số CCCD: 079302037548 cấp ngày: 30/05/2022;

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự Xã hội.

Nơi thường trú và nơi cư trú: D457 tổ A khu phố B, phường L, tỉnh Đồng Nai.

2. Người yêu cầu: Ông **Lương Văn T1**, sinh năm: 2001;

Số CCCD: 079201009718 cấp ngày 13/03/2021;

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự Xã hội.

Nơi thường trú và nơi cư trú: số nhà 166/7 đường T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 12/02/2026, các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn; Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lương Văn T1 đã thỏa thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn.

[2] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lương Văn T1 đồng ý thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2022 do Ủy ban nhân dân phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/02/2022 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Toà án ban hành Quyết định.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lương Văn T1 xác nhận có 01 người con chung tên là là Lương Huỳnh Gia P, giới tính: Nam, sinh ngày: 20/3/2019. Bà T và ông T1 cùng thỏa thuận giao trẻ Gia P cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (Hai triệu) đồng/con/tháng.

Ông Lương Văn T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Lương Huỳnh Gia P mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 (mười) tây hàng tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 10/03/2026.

Trường hợp ông T1 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ông T1 có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lương Văn T1 xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về lệ phí: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lương Văn T1 chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly

hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T và ông T1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009415 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lương Văn T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND KV10 – TP.HCM; (2)
- THADS TP.HCM; (1)
- UBND Ủy ban nhân dân phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: VP, hồ sơ; (3)

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Duy Linh**